

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2020/HS-PT

Ngày: 23-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Đặng Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng; là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Du; Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 64/2019/TLPT-HS ngày 13-12-2019 đối với bị cáo Lê Thị Ngọc H, do có kháng cáo của bị cáo; đối với bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST ngày 06-5-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Thị Ngọc H**; sinh năm 1951 tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ĐKKHKT và cư trú: số 356 ĐTĐ, thôn TB 2, xã LT, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hóa: 2/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Huy P, con bà Trần Thị Đ (*đều đã chết*), chồng Phạm Văn L, sinh 1941; có 03 con, lớn sinh năm 1977, nhỏ sinh năm 1986.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa:

- Luật sư Nguyễn Ngọc Lâm, Văn phòng Luật sư Công Anh, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- Luật sư Nguyễn Thị Thúy Phượng, Văn phòng Luật sư Trần Thị Hồng Việt và Công sự, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Bị hại:

- Ông Phạm Từ H, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số nhà 428, đường NVC, phường LP, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn ĐT, xã LĐ, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Bà Cao Thị H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn TB, xã LĐ, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn TB, xã LĐ, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Ông Phạm Xuân Q, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn TB, xã LĐ, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ b, phường LT, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ b, phường LT, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Viết N, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ b, phường LT, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 2A, xã NT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Tuấn Anh, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn TA, xã LC, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Bà Bùi Thị N, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số nhà 294, đường ĐTĐ, xã LT, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, hành vi bị cáo bị truy tố, xét xử được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 15-3-2018, anh Phạm Xuân Q đến nhà bị cáo Lê Thị Ngọc H (*bị cáo H là mẹ anh Q*) nói cho bị cáo H nghe việc chị Nguyễn Thị T (*chị T vợ anh Q*) và chị Cao Thị H ký gửi, mua 04 tấn cà phê của đại lý cà phê Mai Phú Lâm (*chị Nguyễn Thị Tuyết M làm chủ*) và hiện tại chưa lấy được tiền. Bị cáo Hạnh cho rằng đại lý cà phê Mai Phú Lâm do chị M làm chủ có dấu hiệu vỡ nợ, chị Mai có ý định không trả tiền cho vợ chồng anh Q, chị T nên bị cáo H bảo anh Q “*Để đó mẹ lấy cho*”.

Thực hiện ý định lấy lại số tiền cho anh Q, chị T; bị cáo H gọi điện thoại cho chị Mai để nói “*cần bán 05 tấn cà phê nhân với điều kiện phải mang tiền đến mua cà phê (giao tiền trước)*”. Khi chị M chưa đến, bị cáo H trực tiếp đi xe máy đến nhà chị M, bị cáo H nói với chị M “*Tôi muốn bán 05 tấn cà phê nhân, giá 37.000.000đ/tấn nhưng phải có tiền trả ngay*”.

Khi được bị cáo H đến nhà đề nghị việc bán cà phê như trên, chị M tin bị cáo H có cà phê bán, nhưng do không có tiền mặt, nên chị M gọi điện thoại cho ông

Phạm Từ H là chủ đại lý cà phê Loan Hải đến mua cà phê của bị cáo H. Anh H đồng ý mua như giới thiệu của chị Mai.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, chị M đến nhà anh H và sau đó anh H lấy 150.000.000đ tương đương giá trị khoảng 05 tấn cà phê nhân bỏ vào túi nylon; đồng thời điều khiển xe ô tô tải đi chở cà phê. Khi đi, anh Hải kêu nói 05 người cùng đi theo bốc xếp cà phê gồm anh Huỳnh Văn H, anh Huỳnh Văn C, anh Nguyễn Viết N, anh Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Tuấn A đến nhà bị cáo H. Ngoài ra, trên xe ô tô còn có chị M dẫn đường đến nhà bị cáo H.

Khi đến nhà bị cáo H, anh H điều khiển xe ô tô lùi vào sân nhà bị cáo Hạnh. sau đó bị cáo H yêu cầu chị M *“đưa trước 150.000.000đ mới cho cân cà phê, thừa thiếu tiền sẽ tính sau”*.

Vì tin tưởng bị cáo H nên anh H đưa ra bọc nylon đựng số tiền 150.000.000đ đưa cho chị M và chị M đưa cho bị cáo H, đồng thời anh H nói *“Đây là tiền của cháu, cô đếm đi, cháu đưa đủ 150.000.000đ đấy”*, bị cáo H mở ra xem nhưng không đếm mà đưa ngay cho anh Q đang đứng gần bị cáo H đếm. Anh Q mở ra đếm đủ số tiền 150.000.000đ và sau đó anh Quang cầm bạch tiền đi vào trong nhà. Thấy anh Q đã cầm tiền, bị cáo H nói với chị M *“trong nhà tôi chỉ có 01 tấn cà phê, tôi bán 01 tấn, còn 04 tấn đến nhà mẹ vợ thằng Q (tức nhà bà Bùi Thị Ngân)”*. Ngay lúc này, anh Q cầm số tiền nêu trên bỏ ra xe máy sau đó điều khiển xe đi về nhà bà Ngân (số 294 ĐTD, thôn TB 2, xã LT, thành phố BL) cách nhà bị cáo H khoảng 01 km.

Nghe bị cáo H nói như vậy, anh H điều khiển xe ô tô chở chị M và 05 người bốc xếp đi theo anh Q. Khi đến trước cổng nhà bà N thì bà Ngân nói không bán cà phê; ngay khi đó, anh Q nói *“bây giờ không bán cà phê nữa”*. Anh H thấy anh Q nói vậy đã yêu cầu anh Q trả lại số tiền 150.000.000đ nhưng anh Q trả lời *“Tôi không làm gì với anh mà chỉ làm ăn với bà Mai”*, đồng thời anh Q nói với chị Mai *“Cà phê tôi gửi cô 04 tấn rồi, còn 01 tấn, cô về nhà mẹ tôi mà cân là đủ 05 tấn”*, anh H và chị M cùng nói cho anh Q biết *“đây là tiền của Hải, chứ không phải của Mai”*, nhưng anh Q không trả lại cho anh H số tiền 150.000.000đ. Thấy vậy, anh H, chị M cùng bốc xếp quay lại nhà bị cáo H, yêu cầu H trả lại số tiền mua cà phê nhưng bị cáo Hạnh vẫn không trả mà cố tình chiếm đoạt.

Đối với số tiền 150.000.000đ anh Q cầm từ tay bị cáo Hạnh đưa cho, sau đó anh Q đã đưa cho bà Ngân để nhờ bà N trả nợ cho cửa hàng phân bón của anh P (số 233- 235 ĐTD, thôn TB 2, xã LT, thành phố BL). Quá trình điều tra không thu hồi được.

Về bồi thường thiệt hại: Anh H yêu cầu bị cáo H có nghĩa vụ bồi thường số tiền 150.000.000đ, hiện tại bị cáo H chưa bồi thường.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST ngày 06-5-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc đã tuyên bố bị cáo Lê Thị Ngọc H phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 (*sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 2015*).

Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc H 24 tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Lê Thị Ngọc H phải bồi thường cho bị hại anh Phạm Từ H số tiền 150.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên miễn án phí hình sự, dân sự; tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 17-5-2019 bị cáo kháng cáo toàn bộ bản án cho rằng bị cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm; Bị cáo H giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi gian dối, bị cáo mong muốn bán cả phê và thực tế bị cáo có cả phê ở nhà bị cáo khoảng 01 tấn, cả phê tại lò sấy nhà bà N khoảng 04 tấn, bị cáo không nhận tiền 150.000.000đ từ tay bị hại anh H, mà nhận từ tay chị M và đưa lại cho anh Q kiểm đếm; việc anh Q cho rằng chị M nợ tiền vợ chồng anh Q, nên anh Q giữ là việc của anh Q. Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận kháng cáo; tuyên bố bị cáo không phạm tội, khôi phục danh dự, quyền lợi của bị cáo theo quy định pháp luật.

Các Luật sư Lâm, Luật sư Phương bào chữa cùng cho rằng Bản án sơ thẩm quy kết bị cáo H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, đã được đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng cũng đã chỉ ra một số vi phạm tố tụng, điều tra chưa đầy đủ. Tuy nhiên căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, chính bị hại anh H cũng xác định số tiền 150.000.000đ dù của mình hay của chị M thì bị cáo cùng có hành vi chiếm đoạt. Bị cáo H mong muốn bán cả phê và thực tế bị cáo có cả phê để bán chứ không hề gian dối; số tiền 150.000.000đ bị cáo nhận đưa cho anh Q sau đó anh Q cho rằng chị Mai nợ tiền bán cả phê và việc của anh Q. Do vậy, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận kháng cáo; tuyên bố bị cáo không phạm tội, khôi phục danh dự, quyền lợi của bị cáo theo quy định pháp luật.

Bị hại anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, đồng thời xác định số tiền bán cả phê là của anh chứ không phải của chị M; diễn biến đưa tiền đúng là đưa tiền cho bị M, chị M cho bị cáo H nhưng anh đã nói rõ nội dung này với bị cáo và mọi người cùng nghe, bản thân anh Q cũng nghe rõ, nhất là khi đến nhà bà N, anh Q không cần cả phê, anh cũng đã nói không bán cả phê thì trả lại tiền cho anh. Do vậy, số tiền 150.000.000đ dù của anh hay của chị Mai thì bị cáo cùng có hành vi chiếm đoạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự; hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án nhằm tránh oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo Bản án sơ thẩm quy kết xuất phát từ việc anh Phạm Xuân Q (*con trai bị cáo H*) nói với bị cáo H về việc chị T (*vợ anh Q*) và chị Cao Thị H mua và gửi mua 04 tấn cà phê nhân tại đại lý cà phê Mai Phú Lâm (*chị M làm chủ*) và hiện tại chưa lấy được tiền.

Bị cáo H cho rằng đại lý cà phê Mai Phú Lâm có dấu hiệu vỡ nợ, nên bị cáo H nói với anh Q “*Để đó mẹ lấy cho*”. Do vậy, để thực hiện mục đích lấy lại số tiền cho anh Q, chị T; bị cáo H gọi điện thoại cho chị Mai đưa ra thông tin “*cần bán 05 tấn cà phê nhân với điều kiện phải mang tiền đến mua cà phê (giao tiền trước)*”. Khi chị M chưa đến, bị cáo H trực tiếp điều khiển xe máy đến nhà chị M, bị cáo H tiếp tục đề nghị với chị M “*Tôi muốn bán 05 tấn cà phê nhân, giá 37.000.000đ/tấn nhưng phải có tiền trả ngay*”.

Khi được bị cáo H đến nhà đề nghị việc bán cà phê như trên, chị M tin là thật nhưng do không có tiền, nên chị Mai điện thoại cho anh Phạm Từ H (*chủ đại lý cà phê Loan Hải*) đến mua cà phê của bị cáo H. Anh H đồng ý mua như giới thiệu của chị Mai.

Khoảng 10 giờ ngày 15-3-2018, anh H lấy số tiền 150.000.000đ tương đương giá trị khoảng 05 tấn cà phê nhân bỏ vào túi nylon, đồng thời điều khiển xe ô tô tải chở chị Mai chỉ nhà, cùng các anh Huỳnh Văn H, anh Huỳnh Văn C, anh Nguyễn Viết N, anh Nguyễn Thanh T anh Nguyễn Tuấn A cùng đi theo bốc xếp cà phê.

Theo diễn biến kể từ sau khi anh H điều khiển xe ô tô lùi vào sân nhà bị cáo H, bị cáo H yêu cầu chị Mai “*đưa trước 150.000.000đ mới cho cân cà phê, thừa thiếu tiền sẽ tính sau*”, anh H lấy bọc nylon đựng số tiền 150.000.000đ đưa cho chị M và chị đưa cho bị cáo H. Theo anh H xác định đã nói với bị cáo H rằng “*Đây là tiền của cháu, cô đếm đi, cháu đưa đủ 150.000.000đ đấy*”, bị cáo H mở ra xem nhưng không đếm mà đưa ngay cho anh Q đang đứng gần bị cáo H đếm. Anh Q mở ra đếm đủ số tiền 150.000.000đ và sau đó anh Q cầm bọc tiền đi vào trong nhà. Khi anh Q đã cầm tiền, bị cáo H nói với chị M “*trong nhà tôi chỉ có 01 tấn cà phê, tôi bán 01 tấn, còn 04 tấn đến nhà mẹ vợ thằng Q (tức nhà bà Bùi Thị N)*”, sau đó anh Q cầm số tiền nêu trên bỏ ra xe máy sau đó điều khiển xe đi về nhà bà N cách nhà bị cáo H khoảng 01 km.

Anh H tiếp tục điều khiển xe ô tô chở chị M và 05 người bốc xếp đi theo anh Q đến nhà bà N thì anh Q nói “*bây giờ không bán cà phê nữa*” còn bà Ngân chưa nhận được thông tin bà Ngân bán cà phê, nhưng anh H cho rằng “*bà Ngân nói không bán cà phê*”. Anh H yêu cầu anh Q trả lại số tiền 150.000.000đ hiện đang chiếm giữ nhưng anh Q không trả.

Sau khi không nhận được cà phê, không được nhận lại tiền, anh Hải về lại nhà bị cáo H, trình báo với Công an xã Lộc Thanh. Anh H, chị M cùng giải thích với anh Q “*là tiền của Hải, chứ không phải của Mai*” nhưng anh Q không trả lại

số tiền 150.000.000đ và cho rằng chị T, anh Q “*gửi cô Mai 04 tấn rồi, còn 01 tấn, cô về nhà mẹ tôi mà cân là đủ 05 tấn*”.

Với diễn biến hành vi nêu trên, việc đối chất nhằm làm rõ ý thức chủ quan của anh Q tại thời điểm “*sau khi nhận số tiền 150.000.000đ từ bị cáo H đưa và sau đó đã được anh H giải thích xác định là tiền của anh Hải, chứ không phải của chị M*” nhưng anh không trả lại chưa được làm rõ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị M xác định chị H là người gởi 07 tấn cà phê, chứ không hề biết trong 07 tấn cà phê này có 04 tấn cà phê của chị Thìn, về phía chị T cũng xác định “*đưa số tiền trị giá 04 tấn cà phê cho chị H, để chị H mua 04 tấn cà phê gởi chị M, chứ không trực tiếp gởi chị M*”. Như vậy, trong trường hợp này, chị M nhận giữ 07 tấn cà phê của chị H và trách nhiệm của chị M hoàn trả cho chị H, chị M không có giao dịch nên không phải thực hiện nghĩa vụ với chị T. Việc chị H nhận 04 tấn cà phê của chị T thuộc trách nhiệm của chị H đối với chị T. Ngoài ra, cần phải điều tra làm rõ việc chị T chốt giá bán cà phê với chị H, chị H chốt giá bán cà phê cho chị M để xác định thời điểm phải thanh toán sau khi chốt giá bán nhưng không thanh toán tiền. Nếu cho rằng số tiền 150.000.000đ nêu trên là của chị M thì việc anh Q (*chồng chị T*) chiếm giữ sau khi nhận từ bị cáo H không trả là hành vi trái pháp luật.

Bên cạnh đó, cần đối chất làm rõ giữa bị cáo H với anh H và 05 người bốc xếp; đối chất giữa anh Q với anh H và 05 người bốc xếp; nhằm xác định bị cáo H, anh Q đã biết về thông tin anh H nói rõ “*số tiền 150.000.000đ của anh Hải chứ không phải tiền của chị M*” nhưng bị cáo H, anh Q không hoàn trả lại. Đối chất làm rõ ý thức bị cáo H đưa ra thông tin “*... còn 04 tấn đến nhà mẹ vợ thằng Q (tức nhà bà Bùi Thị N)*”, trong khi đó bà Ngân xác định không nhận được thông tin bị cáo H bán cà phê, ý thức chủ quan khi anh Q nói “*bây giờ không bán cà phê nữa*”, nhưng cũng không hoàn trả lại tiền đang chiếm giữ.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra cho rằng đã tiến hành thực nghiệm điều tra nhưng bị cáo H không hợp tác. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai đồng ý hợp tác thực hiện nhưng cơ quan điều tra không tiến hành. Do vậy trong trường hợp dù bị cáo không hợp tác thì vẫn được thực hiện thông qua việc thực nghiệm vị trí xe ô tô đậu, vị trí anh Hải lấy tiền từ xe ra đưa cho chị Mai; vị trí chị Mai đưa tiền cho bị cáo H (*nếu bị cáo H không hợp tác thì người giả định vị trí bị cáo H đứng*), vị trí anh Q nhận tiền từ bị cáo H. Ngoài ra khi thực nghiệm cũng cần xác định 05 người bốc xếp (*làm chứng*), để từ đó xác định khi anh H nói “*số tiền 150.000.000đ của anh H chứ không phải tiền của chị M*” thì bị cáo H, anh Q đã nhận thông tin này chưa?. Ngoài ra, cần thực nghiệm hiện trường diễn biến tại nhà bà N để xác định vị trí xe đậu, vị trí anh H, chị M, anh Q, bà N và vị trí 05 người bốc xếp (*làm chứng*) đứng; từ đó xác định khi anh H nói “*nếu không cần cân cà phê thì trả lại tiền*” thì anh Q nhận được thông tin này nhưng không trả lại tiền.

Từ phân tích nêu trên, việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ, cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Do vậy, cần hủy bản án sơ thẩm; để tiến hành điều tra lại theo quy định pháp luật, nên chưa xem xét kháng cáo của bị cáo H.

Ngoài ra, khi điều tra lại, cần xác định đúng tư cách tố tụng chị M, chị H, chị T, anh Q liên quan đến số tiền 150.000.000đ nêu trên theo quy định pháp luật.

[2] Về án phí: Do bản án bị hủy, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST ngày 06-5-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc; đối với bị cáo Lê Thị Ngọc H, bị truy tố, xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc điều tra lại theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Lê Thị Ngọc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1- TANDTC;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA (2);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- TAND TP.Bảo Lộc;
- VKSND TP.Bảo Lộc;
- Cơ quan CSĐT CA TP.Bảo Lộc;
- Chi cục THADS TP.Bảo Lộc;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Kim Đồng